

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Xuân Tiến

2. Bà Hồ Thị Lan Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Cao Thị Trúc Đ, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Ông T và bà Cao Thị Trúc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2001. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ hơn 15 năm nay. Do không còn tình cảm với bà Đ nên ông Thương yêu c Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Cao Thị Trúc Đ, ông T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Việt H, sinh ngày 30/4/2000, Dương Việt H1, sinh ngày 09/8/2001, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Cao Thị Trúc Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Đ, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Dương Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Cao Thị Trúc Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Cao Thị Trúc Đ có nơi cư trú tại số S, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2001 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông T, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2024, anh Dương Việt H1 (là con ruột của ông T, bà Đ) trình bày: Cha và mẹ không sống chung với nhau từ hơn 15 năm nay,

không ai liên lạc gì với nhau (BL29). Bản thân ông T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Cao Thị Trúc Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt. Điều này cho thấy bà Đ đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho ông T và bà Đ không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Đ là phù hợp quy định pháp luật. Ông T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận, bà Đ vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Việt H, sinh ngày 30/4/2000, Dương Việt H1, sinh ngày 09/8/2001, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, bà Đ vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Văn T đối với bà Cao Thị Trúc Đ. Ông Dương Văn T được ly hôn với bà Cao Thị Trúc Đ. Quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Văn T và bà Cao Thị Trúc Đ chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Dương Văn T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn, bà Đ vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Việt H, sinh ngày 30/4/2000, Dương Việt H1, sinh ngày 09/8/2001, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, bà Đ vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Dương Văn T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000356 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Dương Văn T đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền